

XÃ HỘI HỌC VÀ VIỆC NHÌN NHẬN NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

TƯƠNG LAI

Sự vận động của xã hội ta hai năm qua trong công cuộc đổi mới từ sau đại hội VII quả thật đã tạo ra sự bất ngờ lớn ngay cho chính những người vốn có những dự kiến lạc quan. Điều đó nói lên, một khi những phương hướng chiến lược được vạch ra phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống thì chính sự vận động của cuộc sống sẽ càng làm sống động thêm, phong phú thêm những sơ đồ lý thuyết.

Từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu và bao cấp vận hành sang một cơ chế sôi động của thị trường có sự quản lý của nhà nước phát triển đồng bộ theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội ta thực sự đang chuyển mình.

Thước đo về sự đúng đắn của một cương lĩnh, một chiến lược hay một chính sách phải tìm về trong thực tiễn đang vận động, và nếu là kinh tế-xã hội thì phải tìm về trong năng suất lao động, trong sự hoạt động của thị trường, trong mức sống của các tầng lớp cư dân. Thước đo đó phải là sự phát triển. Sự phát triển được hiểu với những nội dung cơ bản là: gia tăng sản xuất, phân bổ lại thu nhập tạo ra động lực của sản xuất, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, giảm dần sự nghèo khổ, dần dần tiến tới xã hội văn minh, con người hạnh phúc.

Vượt qua muôn vàn những trở lực, và còn phải đương đầu với nhiều yếu kém, thậm chí còn mang nhiều khuyết tật về mặt cấu trúc, nền kinh tế của ta đã qua được cơn thử thách hiểm nghèo, đồng thời cũng đã bộc lộ những tiềm năng nhiều hứa hẹn. Và cùng với kinh tế, xã hội ta đang chuyển đổi, sống động lên, đa dạng và đa phương. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường đòi hỏi sự chuyển đổi của đời sống xã hội tương thích với nó. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước, bằng những giải pháp chiến lược vĩ mô đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội hướng theo đúng quỹ đạo của chúng nhằm thực hiện những mục tiêu dân giàu, nước mạnh, hợp với quy luật. Mà vì hợp với quy luật cho nên khởi động được nguồn lực của sự phát triển.

Ấy vậy nhưng, phải chăng đang có một vấn đề được nhiều người băn khoăn: dường như về kinh tế thì có sự phát triển, song về xã hội thì phải trả giá quá đắt cho sự phát triển ấy, cái giá phải trả đó là sự xuống cấp về mặt xã hội? Liệu có thể có cái nghịch lý ấy không?

Trong mỗi băn khoăn về những vấn đề xã hội nảy sinh từ nền kinh tế thị trường, nổi cộm lên 2 vấn đề: một là sự phân hóa giàu nghèo làm tái sinh trở lại sự bất công xã hội, trong đó, vấn đề bức xúc nổi lên là nạn thất nghiệp và hai là các tệ nạn xã hội như đĩ điếm, nghiện hút, cờ bạc, trộm cướp.

Trong bài viết này, chúng tôi thử mạnh dạn đưa ra một số kiến giải về hai vấn đề trên. Ở vấn đề thứ nhất, chúng tôi sẽ trình bày về phân tầng xã hội xem như là hệ quả của

sự vận hành cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Ở vấn đề thứ hai, chúng tôi muốn đề cập đến những hành vi lệch chuẩn và cách tiếp cận nhằm nhận thức rõ về nguyên nhân, và hướng phân tích.

Cả hai vấn đề đó đều đang là mối quan tâm không chỉ của các nhà quản lý mà là của mọi tầng lớp cư dân trong xã hội.

VỀ SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI

Trong tiến trình phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cơ cấu xã hội đang có sự chuyển đổi, khá rõ là sự vận động và chuyển đổi về cơ cấu xã hội nghề nghiệp và cùng với nó đang diễn ra sự phân tầng xã hội nhằm thích nghi với cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ấy. Có thể nói, sự phân tầng xã hội ấy vừa là hệ quả trực tiếp của nền kinh tế thị trường vừa là động lực thúc đẩy sự hoạt động của cơ chế thị trường trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. Những khảo sát xã hội học trên một số điểm đại diện ở nông thôn và đô thị, đặc biệt là ở đô thị của chúng tôi trong thời gian qua đã cung cấp những cứ liệu để bước đầu nhận diện và phân tích về sự phân tầng đó.

Khi sử dụng khái niệm "phân tầng xã hội", chúng tôi mượn thuật ngữ và cách tiếp cận của Max Weber. "Tiếp cận Weber về sự bất bình đẳng là giới thiệu một loạt những phạm trù mô tả mà có thể được sử dụng để mô tả nó trong bất cứ xã hội nhất định nào... Weber nhấn mạnh tầm quan trọng của thị trường như là cơ sở kinh tế cho giai cấp hơn là *tài sản*. Với ông, nguyên nhân đầu tiên của bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản là *khả năng thị trường*- đây là những kỹ năng mà người làm thuê mang ra thị trường lao động. Những khác biệt trong phần thưởng giữa các nghề nghiệp kết quả từ kỹ năng hiếm hoi mà nhóm nghề nghiệp cầm giữ. Nếu kỹ năng được yêu cầu thì tiền thưởng càng cao... Weber đồng ý với Mác rằng những nét: kinh tế cốt yếu của chủ nghĩa tư bản là quyền tư hữu các phương tiện sản xuất và những thị trường cho hàng hóa và lao động. Sự khác biệt cốt yếu là Mác nhấn mạnh yếu tố thứ nhất còn Weber nhấn mạnh yếu tố thứ hai"¹.

Thực ra thì Weber cũng sử dụng khái niệm giai cấp, nhưng cách tiếp cận của ông về giai cấp lại là hoàn cảnh kinh tế của từng cá nhân trong thị trường, sự tiếp cận đó cho phép ông lý giải về sự bất bình đẳng giữa các tầng lớp, các nhóm xã hội khác nhau. Do nguồn gốc xuất thân không giống nhau, sự khác biệt về nghề nghiệp, về năng lực, về trình độ học vấn, về địa vị xã hội, về vốn liếng, về địa điểm cư trú v.v... mỗi con người có những cơ may khác nhau trong việc chiếm hữu và sử dụng của cải. Nói tóm lại, họ có những khả năng khác nhau trên thị trường, có những vị thế xã hội và chính trị khác nhau, hình thành nên những tầng lớp, những nhóm xã hội khác nhau. *Cơ may và hoàn cảnh kinh tế* của mọi người trên thị trường, *vị thế và vai trò xã hội* của họ, *địa vị của họ trong hệ thống chính trị*, đó là 3 phạm vi khác nhau trong quan niệm về sự phân tầng xã hội của Weber.

Quán triệt quan điểm Mácxít khi nhìn nhận vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp, chúng tôi sử dụng thuật ngữ và cách tiếp cận của Weber với sự mong muốn nhận diện về thực trạng xã hội của ta trong sự chuyển mình từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

¹ Introductory Sociology. Contemporary Social theory. Macmillan Published. LTD.p.61, 62

Nói một cách khác, đó là nhận diện về thực trạng và con đường phát triển *kinh tế thị trường* ở nước ta với những triển vọng to lớn của nó bên cạnh những mặt trái không thể tránh khỏi của nó.

Trong mặt trái đó, nổi cộm lên hơn cả là những vấn đề xã hội đang và sẽ nảy sinh.

Những kết quả của các cuộc khảo sát xã hội học vừa qua cho phép chúng tôi nhận thức rằng, sự phân tầng xã hội đang ngày càng rõ nét cùng với đà phát triển của kinh tế thị trường. Bằng những phân tích bước đầu, chúng tôi cho rằng sự phân tầng ấy đang là một hệ quả tự nhiên, hợp quy luật nhằm thúc đẩy cho sự phát triển, sự phát triển được hiểu với nội dung bao hàm cả sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội.

Tăng trưởng kinh tế, điều ấy được xác định bằng những con số đầy thuyết phục: "so với năm 1991, thu nhập quốc dân tăng khoảng 5,3%, sản lượng công nghiệp tăng 14,5-15%, sản lượng nông nghiệp tăng 4,4%, sản lượng lương thực đạt khoảng 24 triệu tấn tăng 9%, đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước tăng 25%, xuất khẩu tăng 19%, lạm phát giảm từ 70% xuống 15%"². Riêng về đời sống ở nông thôn, những hộ làm ăn khá giả đã phát triển nhiều. "So sánh kết quả điều tra năm 1992 với các cuộc điều tra trước đây cho thấy hộ làm giàu ngày một tăng. Số hộ giàu so với tổng số hộ nông dân qua các lần điều tra có tỷ lệ như sau: năm 1990: 8,06%, năm 1991: 9,7%, năm 1992: từ 12 đến 20%, trung bình là 15%...Xét về giá trị sản phẩm hàng hóa, lấy thóc làm mặt bằng cho thấy bình quân giá trị sản phẩm hàng hóa hộ giàu năm 1992 tương đương 13.980 kg nhiều hơn gấp 16 lần so với nhóm hộ giàu 1990"³. Sự tăng trưởng về kinh tế quả là đáng khích lệ.

Nhưng bên cạnh sự tăng trưởng kinh tế ấy, lại có những vấn đề xã hội đang nổi cộm lên. Đây là vấn đề cần có sự nhìn nhận thỏa đáng, đồng hành với sự phát triển có những nhân tố tiêu cực và bệnh hoạn không thể tránh khỏi với sự cạnh tranh của cơ chế thị trường, dễ làm sống lại cái triết lý "mạnh được yếu thua, khôn sống mông chết". Giải pháp cho những vấn đề nổi cộm đó, đương nhiên không phải là sự cam chịu thụ động, đồng thời cũng không thể là sự ngưng ngừng trong việc đẩy nhanh sự vận hành kinh tế và xã hội chuyển mạnh sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. Bởi lẽ, những vấn đề xã hội nổi cộm lên đó không bác bỏ tiến trình phát triển kinh tế và gắn với nó là sự tiến bộ xã hội. Chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của những hiện tượng xã hội đang làm nhức nhối đời sống của mọi người mà không thấy được sự vận động đi lên của xã hội đang từng bước được chuyển đổi cùng với đà tăng trưởng của kinh tế sẽ là không khách quan, thậm chí, trong chừng mực nào đó là không đúng về phương pháp luận. Theo chúng tôi, sự tiến bộ xã hội cần được nhìn nhận từ sự năng động xã hội được tạo ra với sự phát triển kinh tế, mà xét đến cùng là sự năng động và sáng tạo của con người, của những nhóm xã hội đang là chủ thể tạo dựng và thúc đẩy nền kinh tế. Chính là từ hướng tiếp cận xã hội học, chúng tôi cố gắng tìm hiểu tính năng động xã hội đó. Quan tâm tìm hiểu những ứng xử của các nhóm xã hội hay các cộng đồng, nhận dạng và phân tích sự biến chuyển của cơ cấu xã hội nhằm tìm ra cái logic xã hội, tìm ra cái cơ chế tiềm ẩn trong mối tương tác của các quan hệ xã hội, đó là sự phấn đấu hướng tới của nhà xã hội học. Tuy nhiên, không thể không lưu ý rằng, xã hội học ra đời trước hết là để tìm cách giải đáp các vấn đề xã hội cụ thể đặt ra trong sự chuyển đổi từ xã hội cổ truyền sang xã hội công nghiệp. Mặc dầu vậy, không thể không nhấn mạnh rằng "điểm quan trọng và khác biệt nhất của xã hội học không hẳn là

² Báo cáo của Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa 9. tháng 12.1992. Báo *Nhân dân* ngày 10/2.1992.

³ *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay* Chủ biên: Nguyễn Văn Tiêm. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội. 1993, trang 16-17.

ngiên cứu cái gì mà là nghiên cứu như thế nào,

nghĩa là cần thiết phải chỉ ra được quan điểm (perspective) xã hội học, cách nhìn nhận khác biệt của bộ môn khoa học này đối với cá nhân và xã hội" ⁴. Hơn nữa: "sức quyến rũ của xã hội học là ở chỗ cách giải thích vấn đề của nó... Có thể nói rằng sự thông thái trước tiên của xã hội học là mọi thứ không phải như chúng có vẻ là" ⁵.

Một ví dụ. *Công ăn việc làm* đang là một vấn đề xã hội bức xúc. Chỉ riêng Hà Nội, từ đầu năm 1991 đến cuối năm 1992, đã phải đưa 53.900 công nhân, nhân viên dôi dư ra khỏi nhà máy xí nghiệp khi họ chưa đến tuổi về hưu, mới thống kê ở 556 xí nghiệp đang tiếp tục sản xuất vẫn còn 26,4% số công nhân không có nhu cầu đứng vào dây chuyền sản xuất" ⁶. Nhưng dũi sâu vào nguyên nhân của số người phải đưa ra khỏi biên chế của nhà máy, xí nghiệp này thì lại thấy đây là yêu cầu của sự phát triển sản xuất và tiến bộ kỹ thuật: Thay thế máy chục cỗ máy cũ, vốn chỉ dệt được vài ba loại vải, sản phẩm không bán được bằng một máy hiện đại, nhuộm được nhiều loại vải, có công suất lớn, sản phẩm chất lượng cao, cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước, hai phân xưởng dệt và nhuộm của nhà máy dệt Minh Khai đã giảm từ 550 công nhân xuống còn 100 ⁷.

Rõ ràng ở đây có hai cách lựa chọn. Một là cứ duy trì nguyên trạng: và 450 người công nhân nợ không phải rời nhà máy, nhưng sự thoi thóp kéo dài này rồi cũng đi đến kết cục của nó. Hai là, phải đổi mới thiết bị sản xuất, đổi mới công nghệ để làm cho nhà máy hồi sinh và phát triển, như vậy thì 450 người phải ra đi!

Nếu vẫn giữ nguyên quan niệm cũ, người có việc làm là người nằm trong biên chế quốc doanh thì quả đúng là với việc thay đổi thiết bị và công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý sẽ làm phình ra số người không có việc làm. Thế nhưng, trong một phần những người ra khỏi biên chế quốc doanh, lại đang có cuộc sống khá hơn từ những nguồn thu nhập mới với những công việc thích hợp với họ. "Ngay cả số đông còn lại tuy có người phải ra ngoài vỉa hè bán những mẹt hàng nhỏ nhưng đời sống gia đình không đến nỗi chật vật như ngày họ còn ở trong nhà máy" ⁸. Việc phát triển một số ngành kinh tế có khả năng thu hút nhiều lao động ở đô thị và sự dịch chuyển cơ cấu sản xuất đang kéo theo sự dịch chuyển cơ cấu lao động, tạo ra những chủ thể lao động mới ở nông thôn như kiểu các cơ sở dịch vụ nông nghiệp cũng là khả năng tạo ra việc làm cho người lao động.

Giải quyết việc làm cho lao động xã hội vừa là vấn đề kinh tế, vừa là vấn đề xã hội, vừa bức xúc vừa lâu dài. Vấn đề đặt ra ở đây liên quan trực tiếp đến tính đồng bộ của những chính sách vĩ mô, liên quan trực tiếp đến cả những quan điểm về lao động và bóc lột, đến chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

⁴. Xem chú thích (1), trang 4.

⁵. Berger.P.(1966) *Instation to sociology*. Harmondoworth. Panguin p.32.

⁶, ⁷, ⁸. Báo *Nhân dân* số ra ngày 24.2.1993. Bài *Nên hiểu lại khái niệm thất nghiệp và việc làm*. Điều tra của Trần Quỳnh

⁹. Tài liệu đã dẫn.

Chẳng hạn như, muốn có việc làm, phải có vốn, liệu chúng ta đã thúc đẩy sự tạo ra những điều kiện về vật chất, về tinh thần (bao gồm cả tâm lý và dư luận xã hội) để cổ vũ những người có khả năng tổ chức kinh doanh, sản xuất mạnh dạn đầu tư, tạo ra nhiều sản phẩm xã hội và cùng với nó là thu hút lao động, giải quyết việc làm? Cũng đừng quên rằng, việc đào tạo lại nghề nghiệp mới cho công nhân, cán bộ là việc hết sức tốn kém, ví dụ như, trường dạy nghề Đống Đa cứ đào tạo được nghề mới cho một người vào học phải chi phí từ 1,5 đến 1,6 triệu đồng⁹. Ngân sách của nhà nước đầu tư cho việc tạo công ăn việc làm là điều bắt buộc, song nếu không

huy động được nguồn đầu tư trong dân thì không sao giải quyết nổi công việc to lớn này. Cùng với các nguồn đầu tư đó, việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) cũng là những nguồn lực to lớn giúp vào vấn đề tạo việc làm cho lao động xã hội trong thời gian tới.

Đằng sau hiện tượng người lao động chuyển ra khỏi biên chế nhà nước là cả một chuỗi những nguyên nhân và kết quả về kinh tế và xã hội, về tư tưởng, tâm lý, tập quán. Nếu hiểu việc làm là một vấn đề xã hội vừa bức xúc, vừa lâu dài, vì rằng tình trạng thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn, ở miền núi còn hết sức nặng nề thì việc lý giải vấn đề ấy đòi hỏi cả một tổng thể những giải pháp từ vĩ mô đến vi mô! Chẳng hạn như việc chọn lựa công nghệ cũng có mối liên quan trực tiếp đến việc làm. Vừa phải tranh thủ những công nghệ tiên tiến đón đầu và đuổi kịp trình độ thế giới trên một số lĩnh vực, vừa chọn những công nghệ thu hút được nhiều lao động.

Thị trường đang sàng lọc và tuyển chọn những năng lực thích ứng với nó, và vì vậy đối với những người này là cơ may, vận hội đối với những người khác thì cũng có thể là đe dọa, thử thách. Trong cơ chế thị trường, ít yếu sẽ có những người vượt trội lên nhờ trình độ tiếp thị, đầu óc kinh doanh, năng lực tổ chức, tay nghề thành thạo v.v... và đương nhiên cũng không hiếm những người bị bật ra khỏi guồng máy kinh doanh, sản xuất. Xã hội đi lên theo đội hình hình thoi chứ không thể dàn hàng ngang mà tiến được? Sự phân tầng xã hội là một hiện thực khách quan. Vấn đề đặt ra là, cần phải nhận diện cho đúng thực trạng của sự phân tầng ấy, phân tích rõ chiều hướng tác động của nó. Cuộc khảo sát kinh tế xã hội bốn quận nội thành Hà Nội do Viện Xã hội học tiến hành vào 6 tháng cuối năm 1992 đã cho phép đưa ra những nhận xét tích cực¹⁰. Sự giàu lên tuyệt đối và sự nghèo đi tương đối của các nhóm đỉnh và đáy xã hội phản ánh mối tương quan giữa kinh tế và xã hội trên một cái nền chung là mức sống đều được nâng cao so với trước trong tuyệt đại bộ phận cư dân. Ở những nhóm vượt trội lên về mặt kinh tế cho thấy không có sự đứt đoạn trong việc tái tạo văn hóa, điều ấy phản ánh chiều hướng lành mạnh của tiến trình kinh tế và xã hội trong sự nghiệp đổi mới.

Với một di sản xã hội quen với nếp sống và nếp tư duy cũ nhìn nhận sự việc qua lăng kính của một đạo đức học cứng nhắc và hạn hẹp rất dễ đẩy tới những phân xét không thỏa đáng về sự tiến bộ xã hội. Người ta có thể vừa thừa nhận sự vận động đi lên của xã hội phản ánh trong đời sống kinh tế, trong mức sống của đại bộ phận các tầng lớp cư dân, đồng thời vẫn có cái nhìn đầy mặc cảm với những chủ thể năng động và sáng tạo đang làm khởi sắc các hoạt động kinh tế. sản xuất và kinh doanh, mang lại hiệu quả cho đời sống xã hội. Chúng ta phê phán sự xa hoa, phê phỡn trong lối sống sa đọa của một số người làm ăn bất chính, đồng thời tôn trọng đời sống văn minh tương xứng với thu nhập chính đáng của người sản xuất giỏi, kinh doanh giỏi.

Sự công bằng xã hội cần được nhận thức đúng đắn trên quan điểm Mácxít, nó không chút gì giống với chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ. Chính chủ nghĩa bình quân ấy sản phẩm của một tư duy giáo điều nặng màu sắc không tưởng và duy ý chí muốn thực hiện ngay một xã hội lý tưởng trên cái nền kinh tế lạc hậu, kỹ thuật thấp kém, năng suất trì trệ, đã là một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng đẩy tới sự sụp

¹⁰. Xem bài viết của Trịnh Duy Luân và của Phạm Bích San đăng trên Tạp chí *Xã hội học* số 4.1992.

đồ của một mô hình xã hội chủ nghĩa kiểu cũ. Sự công bằng xã hội phải được thực hiện trên cái nền của một xã hội vận hành đúng quy luật, làm theo năng lực, hưởng theo lao động,

ai không làm thì không được hưởng, ai có tài năng được ưu đãi, ai cống hiến nhiều được đãi ngộ cao, ai có khó khăn được sự quan tâm giúp đỡ, cứu trợ. Chính sự công bằng ấy tạo ra nguồn động lực thúc đẩy sự phát triển. Nguồn lực ấy đang được khởi động, cần tạo ra điều kiện cho nó phát huy. Mặt khác, cần có những chính sách xã hội thỏa đáng để bù đắp vào những chỗ thiếu hụt mà chính sách kinh tế không thể bao quát hết được, thậm chí có những hệ quả xã hội tiêu cực nằm ngay trong những giải pháp kinh tế tích cực hoặc bắt buộc. Xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp không có nghĩa là không có những trợ giúp thích đáng trên lĩnh vực xã hội, mà ngược lại, muốn có sự ổn định xã hội để phát triển kinh tế thì lại càng cần có những giải pháp thỏa đáng với những đối tượng xã hội cần được sự chăm sóc. Tóm lại, sự công bằng xã hội cần phải được thực hiện theo định hướng "Làm cho người nghèo thì đủ ăn, Người đủ ăn thì khá, giàu, Người khá, giàu thì giàu thêm" ¹¹.

VỀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI.

Trong khi khẳng định sự tiến bộ xã hội gắn liền với sự tăng trưởng kinh tế, thành quả to lớn của sự phấn đấu quyết liệt trong những năm qua, chúng ta đồng thời nhìn nhận rõ những điều gây lo ngại trong các tầng lớp nhân dân: đó là các tệ nạn xã hội mà nổi bật nhất là tệ mại dâm, nạn nghiện hút và cờ bạc. Bạn đồng hành với những tệ nạn ấy là những tội phạm hình sự, trộm cướp, bạo hành ảnh hưởng nặng nề đến sự an toàn xã hội.

Phải chăng đây là mặt trái của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường? Ở một mặt nào đó, quả là cùng với sự chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường, những tệ nạn xã hội nói trên cũng đang phát triển. Nhưng nếu qui toàn bộ những tệ nạn xã hội nói trên là hệ quả tất yếu của nền kinh tế thị trường mà không tìm hiểu kỹ về sự quản lý xã hội, đặc biệt là quản lý đô thị thì chưa đủ. Ở đây, cần có sự nhận dạng về thực trạng và phân tích về nguyên nhân. Đó phải là công việc nghiêm túc và thận trọng của xã hội học tội phạm mà ở bài viết này chúng tôi chưa có điều kiện nói đến. Bởi vì, từ sự tiếp cận xã hội học, "hành vi sai lệch không thể được quan niệm như một cái gì tuyệt đối hay phổ biến mà phải được coi như biến đổi về mặt xã hội và tùy thuộc vào những gì mà một xã hội đặc thù hay một nhóm xã hội, ở một thời điểm đặc thù xác định là lệch lạc...", "chúng ta phải coi kẻ phạm tội như định vị trong một cơ cấu xã hội và phải chịu đựng những điều kiện, những cơ hội và kinh nghiệm đặc thù, vì vậy, phải nói về những cơ cấu xã hội làm phát sinh tội ác và phạm vi tác động chủ yếu của nó bên trong một số nhóm trong xã hội"¹². Có thể nói rằng, hiện tượng xã hội bức xúc vừa đề cập ở trên: vấn đề thất nghiệp, đặc biệt là không có việc làm cho giới trẻ cũng là một nguyên nhân quan trọng đẩy tới sự gia tăng tệ nạn và tội phạm xã hội. Do đó, việc phòng ngừa và đẩy lui các tệ nạn xã hội không thể là công việc riêng của những chuyên ngành.

Đấu tranh nhằm xóa bỏ các tệ nạn xã hội đang là mối quan tâm thường xuyên của toàn xã hội. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận những tệ nạn xã hội, những hành vi phạm tội như là những vấn đề xã hội cụ thể gắn liền với các quá trình xã hội thì để đấu tranh xóa bỏ chúng cần phải có một chương trình hành động của toàn xã hội được xây dựng trên cơ sở khoa học. Xã hội học tội phạm đã đòi hỏi phải xem xét những mô hình tội ác và hành vi lệch chuẩn, phân tích những nguồn gốc và nguyên nhân của nó, đòi hỏi đi sâu tìm hiểu về "nền văn hóa phụ" của kẻ phạm tội và hành vi lệch chuẩn... Việc nghiên cứu này bao hàm sự phân xét về "cơ cấu" và "hành động" trong các phân tích xã hội học nhằm cung cấp một

¹¹. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 4 Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội. 1984, trang 287.

¹². *Introductory Sociology*. p.564. 568. 569.

sự giải thích các hiện tượng xã hội với sự chú ý đầy đủ những ảnh hưởng cơ cấu xã hội tác động lên cá nhân đồng thời có sự đánh giá những lựa chọn và những ứng đáp có ý nghĩa của các chủ thể. Đã có nhiều công trình lý luận về cách nghiên cứu này mà thông thường người ta hay nhắc đến một khuôn mẫu đạt tới trình độ "cổ điển" khi xem xét và phân tích hiện tượng xã hội của E. Durkheim, nhà xã hội học người Pháp. Với Durkheim, xã hội học hướng vào các sự kiện xã hội chứ không phải vào các cá nhân, vì thế phải làm sao qua các sự kiện xã hội tản mạn, nhận ra được tổng thể xã hội. Do vậy; với ông, một sự kiện xã hội này chỉ có thể được giải thích bằng một sự kiện xã hội khác. Là những thành viên trong xã hội, các cá nhân đều được nhào nặn và chịu tác động bởi những môi trường xã hội. Với ông, khi nói đến tổng thể xã hội tức là nói đến sự cưỡng chế của xã hội, nói đến sự tác động qua lại giữa các bộ phận trong tổng thể, toàn bộ những điều đó là cơ sở của ý thức tập thể bao gồm pháp lý, chính trị, đạo đức... được áp đặt cho cá nhân và khiến cho cá nhân phải tuân thủ dưới những hình thức khác nhau. Trên quan điểm phương pháp luận đó, Durkheim lý giải một hiện tượng xã hội rất cụ thể: hành động tự tử, tưởng chừng như một quyết định thuần túy cá nhân, nhưng nếu đi sâu vào bản chất của sự kiện xã hội ấy, sẽ thấy nó là hệ quả của những ảnh hưởng và tác động của các môi trường xã hội trong các nhóm xã hội khác nhau. Khi nói đến sự cưỡng chế xã hội, Durkheim phân tích theo chiều hướng các chuẩn mực xã hội điều tiết những hành vi, những ứng xử của cá nhân thông qua một hệ thống giá trị đã được nội tâm hóa trong mỗi cá nhân chứ không chỉ là sự cưỡng chế và áp đặt từ bên ngoài.

Quan niệm lý thuyết và phương pháp luận của E. Durkheim không phải là không gặp nhiều phản bác. Tuy nhiên, trên những luận đề cơ bản, được xem là một trong những đại biểu xuất sắc nhất đã sáng lập ra bộ môn xã hội học, quả thực E. Durkheim đã cùng với Các Mác và Max Weber đặt những viên đá tảng cho những công trình xã hội học mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng và phát huy. Khi nhận diện và phân tích những vấn đề xã hội đang nảy sinh ra trong hôm nay và ngày mai, đặc biệt là khi phân tích về các tệ nạn xã hội, việc vận dụng lý thuyết và phương pháp của các nhà xã hội học bậc thầy này sẽ là những đảm bảo cho những luận cứ khoa học của công việc nghiên cứu xã hội học.

Nêu lên những vấn đề này, chúng tôi muốn khơi gợi sự chú ý của những nhà khoa học xã hội nói chung và trước hết là những nhà xã hội học, những người quan tâm đến bộ môn khoa học vốn đang còn rất trẻ ở nước ta sự cộng tác chặt chẽ trên một lĩnh vực nghiên cứu rất đa dạng, phong phú, đầy khó khăn và trở ngại song cũng thật là hứng thú và hấp dẫn.